

Bản án số: 28/2022/HNGĐ-ST

Ngày 23/5/2022

“ V/v tranh chấp ly hôn ”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÓC SƠN-THÀNH PHỐ HÀ NỘI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân : Ông Nguyễn Duy Tuyên

Ông Dương Văn Xuyên

-Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thu Trang-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội: Ông Trương Minh Hiếu-Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 23 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 549/2021/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2021 về việc “ Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2022/QĐXX-ST ngày 04 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Ông Đỗ Xuân T, sinh năm 1960

Địa chỉ: Thôn Ph Th, xã Minh Phú, huyện Sóc Sơn, Hà Nội.

2.Bị đơn : Chị Nguyễn Thị Tuyết B, sinh năm 1982

Địa chỉ: Thôn H S, xã Nam Sơn, huyện Sóc Sơn, Hà Nội

Có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02/8/2021 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là ông Đỗ Xuân T trình bày:

-Về hôn nhân: Ông và chị Nguyễn Thị Tuyết **B** đăng ký kết hôn ngày 10/5/2018 tại UBND xã Nam Sơn, huyện Sóc Sơn, Hà Nội. Sau khi cưới chị **B** về gia đình ông làm dâu, vợ chồng ở riêng. Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 6/2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do chị **B** nghiện ma túy, thường xuyên nói dối, sống không có trách nhiệm với gia đình. Tháng 6/2021 chị **B** tự bỏ nhà đi, ông đã đi tìm nhưng chị **B** không về và vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn chị **B**.

-Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng ông không có con chung, ly hôn ông không có đề nghị gì.

-Về tài sản, công sức, nợ và đất sản xuất nông nghiệp: Ông không đề nghị Tòa án giải quyết.

*Tại bản tự khai ngày 27/4/2022 và những lời khai tiếp theo bị đơn là chị Nguyễn Thị Tuyết **B** trình bày:*

-Về quan hệ hôn nhân: Chị xác nhận như ông T trình bày về thời gian, điều kiện kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 6/2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do chồng chị ngoại tình nên dẫn đến vợ chồng cãi nhau và chị đã tự bỏ nhà đi. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 6/2021 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nhưng chị không đồng ý ly hôn. Còn nếu anh T vẫn kiên quyết xin ly hôn, chị đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

-Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng chị không có con chung, ly hôn chị không có đề nghị gì.

-Về tài sản, công sức, nợ và đất sản xuất nông nghiệp: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

-Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử và nguyên đơn, bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

-Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 51,56 Luật hôn nhân và gia đình. Xử:

+Về hôn nhân: Cho ông Đỗ Xuân T được ly hôn chị Nguyễn Thị Tuyết **B**.

+Về con chung: Không có, không đặt ra giải quyết

+Về tài sản, công sức, nợ và đất sản xuất nông nghiệp: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

+Về án phí: Ông T được miễn nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là chị Nguyễn Thị Tuyết **B** có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Ông Đỗ Xuân T và chị Nguyễn Thị Tuyết **B** kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 10/5/2018 tại UBND xã Nam Sơn, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội. Do vậy, cuộc hôn nhân của ông T, chị **B** là hợp pháp.

Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 6/2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do trong cuộc sống vợ chồng sống thiếu sự quan tâm, chia sẻ với nhau, không có sự tin tưởng lẫn nhau. Tại phiên tòa hôm nay ông T xác định tình cảm vợ chồng không còn, ông đề nghị xin được ly hôn. Chị **B** vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình điều tra chị cũng thừa nhận vợ chồng chung sống với nhau không còn tình cảm, vợ chồng cũng đã sống ly thân từ tháng 6/2021 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Tuy nhiên chị không đồng ý ly hôn. Tòa án xác minh tại chính quyền địa phương cũng như gia đình hai bên được biết vợ chồng ông T, chị **B** chung sống với nhau xảy ra nhiều mâu thuẫn, hiện vợ chồng sống mỗi người mỗi nơi. Do vậy, có thể thấy hôn nhân của ông T, chị **B** đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Tòa án thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông T, cho ông được ly hôn chị **B** là phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về nuôi con chung:

Quá trình chung sống ông T, chị **B** xác định vợ chồng không có con chung nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Về tài sản, công sức, nợ và đất sản xuất nông nghiệp: Ông T, chị **B** không đề nghị giải quyết nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] *Về án phí*: Do ông T hiện đã ngoài 60 tuổi nên căn cứ theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội thì ông T thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 28,35, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 51,56 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ các Điều 146, 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

- 1.*Về hôn nhân*: Ông Đỗ Xuân T được ly hôn chị Nguyễn Thị Tuyết **B**.
- 2.*Về con chung*: Ông T, chị **B** không có con chung.
- 3.*Về tài sản, công sức, nợ và đất sản xuất nông nghiệp*: Không đặt ra xem xét, giải quyết.
- 4.*Về án phí*: Ông T được miễn nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ông T được quyền kháng cáo. Chị **B** vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

-**TAHN Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa**

-*VKSNDH.Sóc Sơn.*

-*Chi cục THADS H.Sóc Sơn.*

-*UBND xã Nam Sơn.*

-*Các đương sự.*

-*Lưu HS,VP*

Nguyễn Thị Thu Hằng